

KINH TẾ VĨ MÔ I

CHƯƠNG VIII:

THẤT NGHIỆP VÀ LẠM PHÁT

CHƯƠNG VIII: THẤT NGHIỆP VÀ LẠM PHÁT

I. Thất nghiệp

1. Khái niệm và đo lường

a. Một số khái niệm

- ✓ *Lực lượng lao động*: là một bộ phận của dân số, trong độ tuổi LĐ, có đủ khả năng LĐ, có nghĩa vụ LĐ và có nguyện vọng làm việc.
- ✓ *Người có việc làm*: là người làm một công việc gì đó được trả công hay mang tính chất tự tạo TN.

1. Khái niệm và đo lường

- ✓ *Thất nghiệp*: là tình trạng một bộ phận của LLLĐ do những nguyên nhân khác nhau dẫn đến chưa có việc làm.

b. Đo lường thất nghiệp

- ✓ *Tỷ lệ thất nghiệp*: là tỷ lệ % số người thất nghiệp so với tổng số người trong LLLĐ.

b. Đo lường thất nghiệp

Trong đó:

u (unemployment rate):

U (Unemployed):

L (Labour Force):

2. Phân loại thất nghiệp

a. Căn cứ vào nguồn gốc thất nghiệp

Có 2 loại: thất nghiệp tự nhiên và chu kỳ

➤ *Thất nghiệp tự nhiên*

Thất nghiệp tự nhiên có 3 loại: thất nghiệp *tạm thời*, thất nghiệp *cơ cấu* và thất nghiệp *theo lý thuyết cổ điển*.

2. Phân loại thất nghiệp

** Thất nghiệp tạm thời*

Thất nghiệp tạm thời xảy ra khi *người LĐ đang trong quá trình tìm kiếm việc làm mới*. Nguyên nhân có thể kể đến là:

2. Phân loại thất nghiệp

** Thất nghiệp cơ cấu*

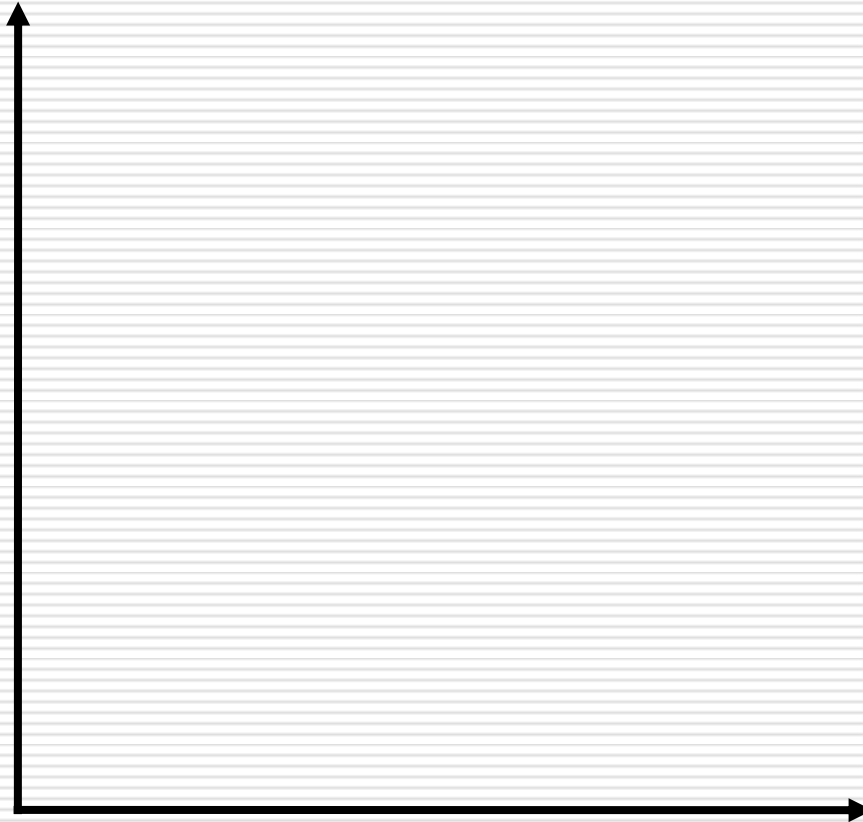
Thất nghiệp cơ cấu xảy ra khi thời gian, địa điểm và kỹ năng của NLĐ cần việc làm *không phù hợp* với

2. Phân loại thất nghiệp

** Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển*

Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển xảy ra khi *tiền lương* được ấn định

Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển



Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển

- *Luật tiền lương tối thiểu*

Để đảm bảo mức sống tối thiểu của bộ phận dân cư, ở nhiều quốc gia CP có quy định về mức lương tối thiểu.

Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển

- *Công đoàn*

Công đoàn là hiệp hội của NLĐ được thành lập nhằm thương lượng với giới chủ về tiền lương và điều kiện làm việc.

Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển

- *Lý thuyết tiền lương hiệu quả*

Theo lý thuyết này, DN sẽ hoạt động có hiệu quả hơn nếu trả lương cao hơn mức cân bằng.

Lý thuyết tiền lương hiệu quả

- *Sức khoẻ NLĐ*
- *Sự luân chuyển công việc*

Lý thuyết tiền lương hiệu quả

- *Nỗ lực của công nhân*
- *Chất lượng công nhân*

2. Phân loại thất nghiệp

➤ *Thất nghiệp chu kỳ*

Thất nghiệp chu kỳ xảy ra khi

2. Phân loại thất nghiệp

b. Căn cứ vào tính chất thất nghiệp

- *Thất nghiệp tự nguyện*: xảy ra khi NLĐ
- *Thất nghiệp không tự nguyện*: xảy ra khi NLĐ

3. Tác động của thất nghiệp

a. Tác động kinh tế

Khi thất nghiệp ở mức cao, TN của dân cư giảm sút, lãng phí nguồn nhân lực, nền KT đã mất số SL mà lẽ ra có thể được tạo ra từ những người thất nghiệp.

3. Tác động của thất nghiệp

Quy luật Okun (hay quy luật 2,5 – 1):

*Nếu tỷ lệ thất nghiệp **tăng 1%** thì GDP thực tế sẽ **giảm 2,5%** và ngược lại.*

Tuy vậy, trong một chừng mực nào đó thất nghiệp cũng có những tác động tích cực.

3. Tác động của thất nghiệp

b. Tác động xã hội

Những kết quả điều tra XH học cho thấy rằng thất nghiệp cao luôn gắn với sự gia tăng các tệ nạn XH như cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, tự tử,...

4. Biện pháp hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp

- Tạo ra nhiều công ăn việc làm,
- Nâng cao dịch vụ thị trường lao động ,
- Phát triển và từng bước hoàn thiện các chương trình đào tạo nghề và đào tạo lại,
- Cải cách hệ thống bảo hiểm thất nghiệp

II. Lạm phát

1. Khái niệm và đo lường lạm phát

a. Khái niệm

Lạm phát (inflation) là sự gia tăng liên tục của mức giá chung trong một khoảng thời gian nhất định.

Ngược lại, khi *mức giá chung* giảm xuống *liên tục* trong một khoảng thời gian nhất định gọi là *giảm phát (deflation)*.

1. Khái niệm và đo lường lạm phát

b. Đo lường lạm phát

Để đo lường LP người ta dùng chỉ tiêu *tỷ lệ lạm phát*

Với: P^{t-1} : mức giá chung

P^t : mức giá chung

b. Đo lường lạm phát

Trên thực tế, việc xác định chỉ số giá chung P rất khó thực hiện. Vì vậy, người ta xây dựng các chỉ số giá khác như:

- ✓ *Chỉ số giá tiêu dùng* (Consumer Price Index: CPI)
- ✓ *Chỉ số điều chỉnh GDP* (GDP Deflator: D_{GDP})

b. Đo lường lạm phát

➤ *Chỉ số giá tiêu dùng*

Chỉ số giá tiêu dùng phản ánh sự biến động giá của một “*giỏ*” (basket) HH - DV *tiêu biểu* cho cơ cấu TD XH.

b. Đo lường lạm phát

Công thức tính tỷ lệ LP theo CPI là:

b. Đo lường lạm phát

CPI có những *sai lệch* nhất định:

- *Lệch do hàng hoá mới*

Khi một HH mới xuất hiện, NTD có nhiều sự lựa chọn hơn

b. Đo lường lạm phát

- *Lệch do chất lượng thay đổi*

Nhìn chung chất lượng HH - DV ngày càng được cải thiện. Việc cải thiện chất lượng thường đi kèm với sự tăng lên của giá.

b. Đo lường lạm phát

- *Lệch thay thế*

NTD có xu hướng chuyển sang TD mặt hàng có giá tăng chậm hơn thay vì TD đúng như cơ cấu của giỏ HH - DV trước đây.

b. Đo lường lạm phát

➤ *Chỉ số điều chỉnh GDP*

b. Đo lường lạm phát

Công thức tính tỷ lệ LP theo chỉ số điều chỉnh GDP:

So sánh CPI và chỉ số điều chỉnh GDP

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

b. Đo lường lạm phát

Kết luận:

Chỉ số điều chỉnh GDP là một chỉ tiêu phản ánh lạm phát

Tuy nhiên, nếu mục tiêu là xác định ảnh hưởng của LP đến *mức sống*

2. Phân loại lạm phát

Căn cứ vào tỷ lệ LP người ta chia LP thành 3 loại: LP *vừa phải*, LP *phi mã* và *siêu lạm phát*.

a. Lạm phát vừa phải (Moderate Inflation)

LP vừa phải còn gọi là LP *một con số*

2. Phân loại lạm phát

b. Lạm phát phi mã (Galloping Inflation)

Lạm phát phi mã còn gọi là lạm phát *2 con số*

c. Siêu lạm phát (Hyper Inflation)

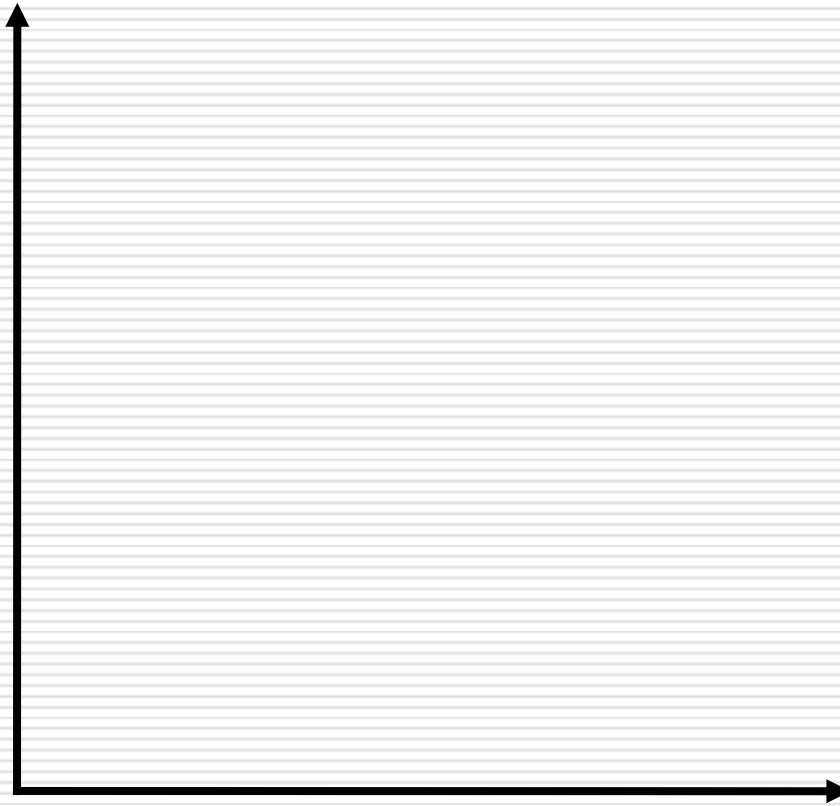
Siêu LP còn gọi là LP *3 con số trở lên.*

3. Các nguyên nhân gây ra lạm phát

a. Lạm phát do “cầu kéo” (Demand Pull Inflation)

LP do “cầu kéo” xảy ra khi *tổng cầu tăng* lên mạnh mẽ, đặc biệt là khi SL đã đạt hoặc vượt quá mức SL tiềm năng.

a. Lạm phát do “cầu kéo”



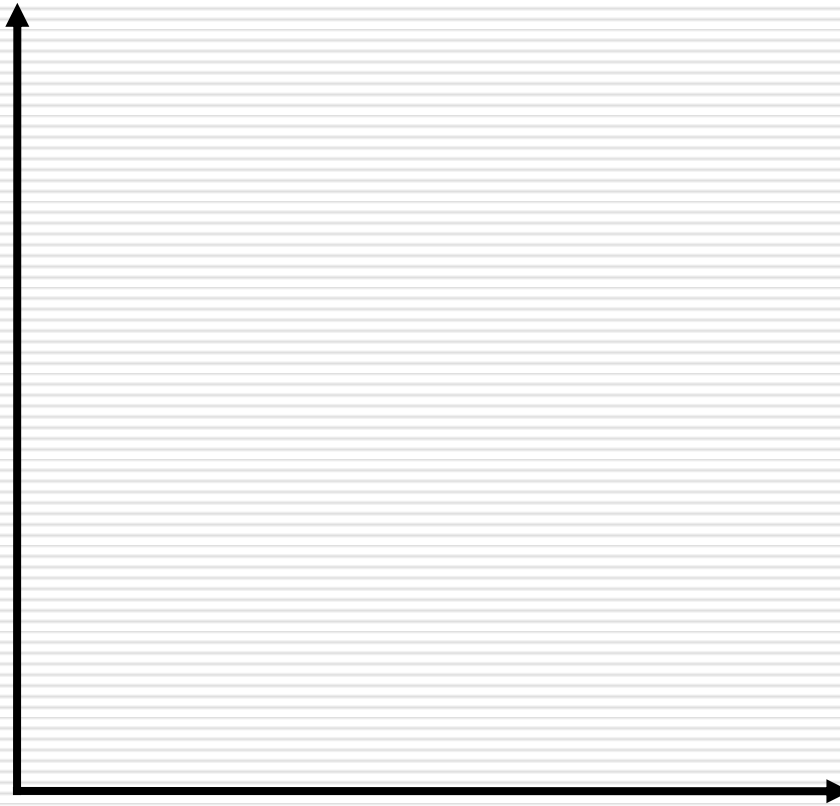
b. Lạm phát do “chi phí đẩy”

LP do “*chi phí đẩy*” (Cost Push Inflation) xảy ra khi

Ngay cả khi SL chưa đạt SL tiềm năng nhưng LP vẫn có thể xảy ra.

Các cú sốc đẩy CPSX tăng ($P_{\text{xăng, dầu, điện...}}$; thuế gián thu; tiền lương;...) \rightarrow

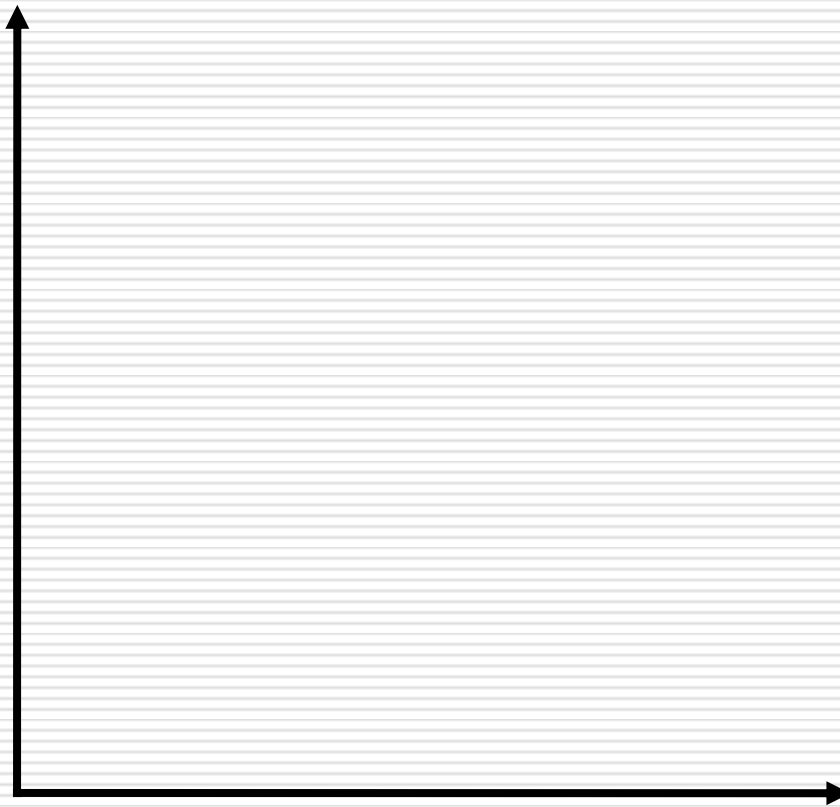
b. Lạm phát do “chi phí đẩy”



c. Lạm phát dự kiến hay lạm phát ỳ (Inertial Inflation)

Khi nền KT có tỷ lệ LP tương đối ổn định qua các năm thì mọi người sẽ cho rằng trong năm tới LP cũng sẽ ở tỷ lệ tương tự. Vì vậy, họ tự động điều chỉnh lãi suất danh nghĩa, tiền lương danh nghĩa, giá cả trong các hợp đồng KT, các khoản chi tiêu theo tỷ lệ LP đó.

c. Lạm phát dự kiến hay lạm phát ỳ



d. Tiền tệ và lạm phát

Các nhà tiền tệ cho rằng LP về cơ bản là hiện tượng tiền tệ.

d. Tiền tệ và lạm phát

Gọi Y là mức SL mà nền KT tạo ra trong 1 năm và P là giá của một đơn vị SL điển hình mua. Khi đó tổng số đơn vị tiền tệ được trao đổi trong 1 năm là

d. Tiền tệ và lạm phát

Nếu gọi V (Velocity) là tốc độ chu chuyển và M là lượng cung tiền thì số lượng đơn vị tiền tệ trao đổi trong 1 năm là

Khi đó:

4. Tác hại của lạm phát

Trên thực tế loại LP thường xảy ra theo hướng:

- Tốc độ tăng giá của loại HH - DV *không đều nhau*,
- Tốc độ tăng *giá* và tăng *lương* xảy ra *không đồng thời*.

2 đặc điểm trên dẫn đến những ảnh hưởng của LP:

a. Tác hại của LP được dự tính trước

- *Làm lãng phí các nguồn lực xã hội (**chi phí “mòn giấy”**)*
- *Làm tăng những chi phí cho việc điều chỉnh giá, chi phí này được các nhà KT gọi là **“chi phí thực đơn”***

a. Tác hại của LP được dự tính trước

➤ *Làm tăng gánh nặng thuế*

LP có ảnh hưởng chủ yếu đến 2 loại thuế đánh vào TN từ tiết kiệm: tiền lãi vốn và lãi tiết kiệm

a. Tác hại của LP được dự tính trước

✓ *Tiền lãi vốn*

Đây là TN có được từ việc bán một tài sản với giá cao hơn giá mua.

Ví dụ:

Bạn sử dụng tiền tiết kiệm để mua một loại CP với giá 10\$/CP và sau đó bán với giá 50\$/CP.

a. Tác hại của LP được dự tính trước

✓ *Tiền lãi danh nghĩa*

Đây là TN có được từ các khoản tiết kiệm

Ví dụ:

Giả sử CP đánh thuế suất 20% TN từ tiền lãi. Nếu ban đầu LS danh nghĩa là 10% và tỷ lệ LP là 5% thì:

- LS thực tế trước thuế là:
- LS thực tế sau thuế là:

a. Tác hại của LP được dự tính trước

Sau đó giả sử tỷ lệ LP tăng lên 10% và LS danh nghĩa lên mức 15%

Tuy nhiên, mức LS thực tế sau thuế chỉ còn là:

a. Tác hại của LP được dự tính trước

➤ *Lạm phát gây ra sự nhầm lẫn và bất tiện*

Một trong các chức năng của tiền là đơn vị hạch toán. Nhưng khi LP xảy ra nó làm méo mó giá trị thực tế của đơn vị hạch toán

b. Tác hại của LP không được dự tính trước

- Phân phối lại của cải và TN
- Làm giảm TN thực tế của những người có TN danh nghĩa cố định hoặc chậm được điều chỉnh theo lạm phát.

III. Mối quan hệ giữa tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ lạm phát

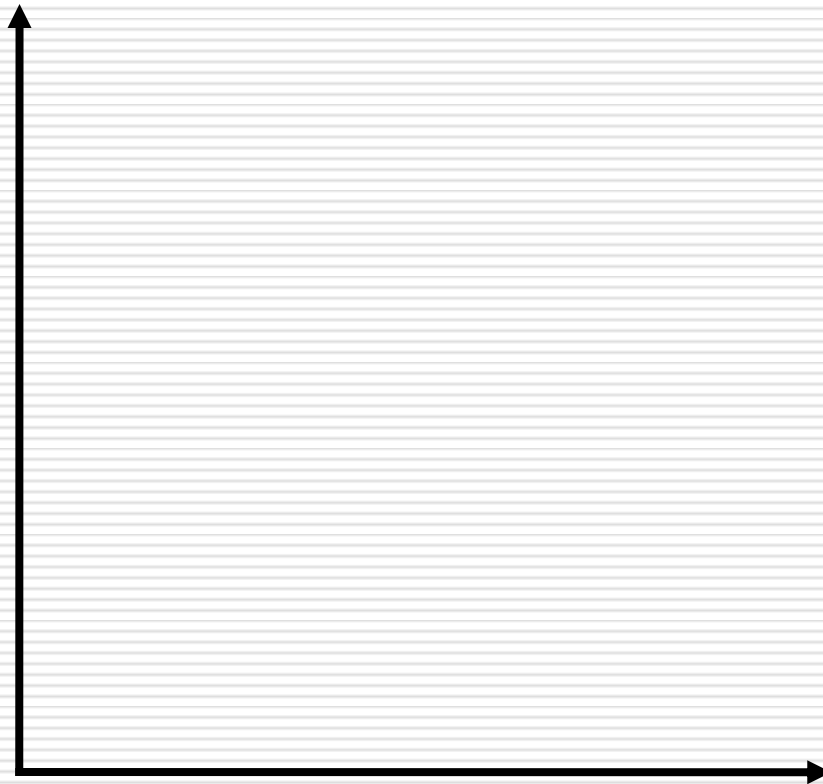
1. Trong ngắn hạn

Năm 1958, giáo sư A. W. Phillips đã cho đăng 1 bài báo mang tiêu đề “*Mối quan hệ giữa thất nghiệp và tỷ lệ thay đổi tiền lương danh nghĩa ở Anh giai đoạn 1861 – 1957*” trên tờ tạp chí KT học của Anh. Trong bài báo đó, Phillips đã chỉ ra mối tương quan *tỷ lệ nghịch* giữa tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ LP.

1. Trong ngắn hạn

P. A Samuelson và R. Solow đã gọi mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ lạm phát là *đường Phillips (Phillips Curve)*.

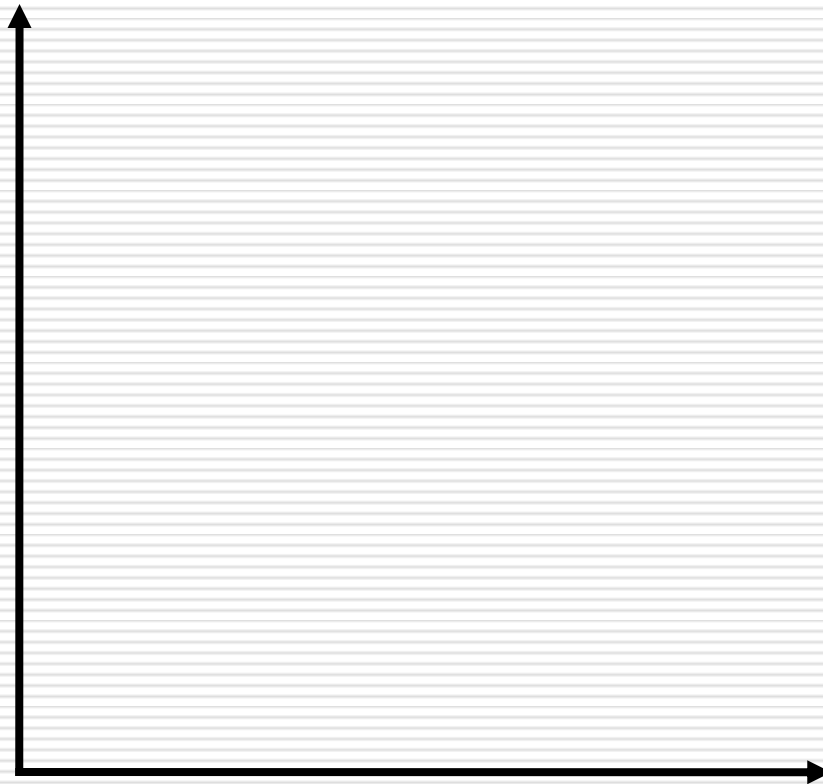
Mối quan hệ giữa tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ LP trong ngắn hạn



1. Trong ngắn hạn

Đường Phillips cho thấy mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ LP. Nó gợi ý cho các nhà hoạch định chính sách rằng

1. Trong ngắn hạn



2. Trong dài hạn

Trong dài hạn *không có sự đánh đổi* giữa tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ LP.

